

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13-5-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Mai Hương;

Bà Hoàng Thị Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Hồng A, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Tổ dân phố Đồng Lập, phường Đồng Hoà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu Đình V, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Hồng A trình bày:

Chị và anh Lưu Đình V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Hoà, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 3 năm 2022. Quá trình chung sống thời gian đầu chị và anh V hạnh phúc. Đến khoảng tháng 8 năm 2022, anh chị bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, mặt khác anh chị không có con chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Cũng từ tháng 8 năm 2022 đến nay mâu

thuần vợ chồng ngày càng trầm trọng, sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau ai muốn sống ra sao thì sống. Bản thân chị cũng không còn tình cảm gì với anh V và không có cơ hội để hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy, chị Phạm Thị Hồng A làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Đình V.

Về con chung: Chị và anh Lưu Đình V không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Lưu Đình V không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Chị Phạm Thị Hồng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lưu Đình V đã biết việc chị Phạm Thị Hồng A xin ly hôn với anh, tuy nhiên anh V không có văn bản nêu ý kiến, không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Bởi vậy Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Lưu Đình V.

Tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình hai bên thể hiện: Mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị Hồng A và anh Lưu Đình V là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, mặt khác do tìm hiểu nhau vội vàng nên chưa kịp hiểu hết tính cách của nhau, dẫn đến khó dung hòa trong cuộc sống chung. Từ tháng 8 năm 2022 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Gia đình hai bên cũng đã động viên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Địa phương và gia đình hai bên đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa chị Phạm Thị Hồng A vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Tòa án, chị Phạm Thị Hồng A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa anh Lưu Đình V vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy: Không có tài liệu thể hiện anh Lưu Đình V có mặt tại nơi đăng ký thường trú trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm diễn ra phiên tòa hôm nay; tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án không có tài liệu của cơ quan có thẩm quyền xác nhận anh V hiện đang ở địa chỉ nào; tài liệu xác minh của Tòa án chỉ thể hiện anh V không xuất cảnh ra nước ngoài, anh Lưu Đình T (là anh ruột của anh V, cùng nơi đăng ký thường trú với anh V) cung cấp “anh V thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có điều kiện hoặc có công việc cần thiết thì anh V mới về nhà”, đại diện Tổ dân phố C, phường N, quận Đ cung cấp “hiện nay anh V đi làm ăn xa, ông chỉ biết là ở Miền Nam, không rõ địa chỉ, thỉnh thoảng anh V mới về nhà”; không có tài liệu thể hiện anh V vắng mặt tại nơi đăng ký thường trú từ thời điểm cụ thể nào; không làm rõ anh V về nhà vào thời điểm cụ thể nào, lần gần nhất anh V về nhà vào thời

điểm nào để xác định có căn cứ thực hiện việc thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định tại chương XXV Bộ luật Tố tụng dân sự hay không; các văn bản Tòa án tổng đạt cho anh V đều thông qua bà Nguyễn Thị Hoà (là mẹ đẻ của anh V), anh Lưu Đình T, những người này đều cam kết thông báo cho anh V biết. Như vậy, không có căn cứ xác định trong quá trình giải quyết vụ án anh V đang ở đâu nên cần phải thu thập tài liệu chứng cứ để xác định thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngoài ra, việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh V chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 175, Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự Quyết định tạm ngừng phiên tòa để để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ xác định xác minh nơi cư trú của bị đơn; thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại Tổ dân phố C, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự Quyết định tạm ngừng phiên tòa để để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ xác định xác minh nơi cư trú của bị đơn; thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn; thấy: Tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *“T hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt, thông báo. Biên bản được lưu trong hồ sơ vụ án”*. Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc xác minh, tại Biên bản xác minh

ngày 15 tháng 3 năm 2024 đối với ông Đặng Xuân C là Tổ trưởng Tổ dân phố C, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng, ông C cung cấp: “.....Anh V cư trú tại số 6, ngách 35/257 Lý Thánh Tông, tổ Cộng Lực cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị Hoà và anh trai là Lưu Đình T. Hiện nay anh V đi làm ăn xa, ông chỉ biết là ở miền Nam, không rõ địa chỉ cụ thể, thỉnh thoảng anh V vẫn về nhà...”. Tại biên bản xác minh ngày 15 tháng 3 năm 2024 đối với anh Lưu Đình T là anh trai của anh Lưu Đình V, anh T cung cấp: “.....Từ khi vợ chồng sống ly thân, chị Hồng A về ở tại Kiến An, Hải Phòng còn anh V vẫn cư trú cùng với gia đình anh; tuy nhiên hiện nay anh V đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có điều kiện hoặc có công việc cần thiết thì anh V mới về nhà...”. Tại biên bản xác minh ngày 02 tháng 5 năm 2024 đối với ông Vũ Hoàng Nhân là Cảnh sát khu vực Tổ dân phố Cộng Lực, ông Nhân cung cấp: “Anh Lưu Đình V, sinh năm 1984, CCCD số 031084004299 có đăng ký thường trú tại Tổ dân phố C, phường N, quận Đ, thành phố Hải Phòng cùng với mẹ là bà Nguyễn Thị Hoà, sinh năm 1957. Anh V có anh trai là Lưu Đình T có đăng ký thường trú tại Tổ dân phố Cộng Lực, phường Ngọc Xuyên. Bà Hoà và anh T thường xuyên sinh sống tại địa phương, anh V thường vắng mặt tại nơi cư trú, ít khi có mặt ở nhà.....”. Mặt khác Tòa án vẫn liên lạc được với anh V qua điện thoại, zalo, anh V đã biết được việc chị Hồng A xin ly hôn với anh V nhưng vì bận công việc nên anh V không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không gửi ý kiến về cho Tòa án. Như vậy anh V vắng mặt thuộc T hợp khi đi khi về, vẫn thỉnh thoảng về nhà và vẫn thường xuyên liên hệ với gia đình chứ không thuộc T hợp đi biệt tích không rõ thời điểm trở về vì vậy theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lưu Đình T và bà Nguyễn Thị Hoà là mẹ đẻ và anh trai của anh Lưu Đình V, họ đều là những người thân thích, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, cùng nơi cư trú với anh V ký nhận thay và cam kết giao lại tận tay ngay cho anh V, các biên bản đều được lưu trong hồ sơ vụ án. Bởi vậy đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự Quyết định tạm ngừng phiên tòa để để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ xác định xác minh nơi cư trú của bị đơn là không cần thiết, vì Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo quyền của bị đơn được biết việc chị Phạm Thị Hồng A xin ly hôn, còn việc bị đơn không có ý kiến gửi cho Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của bị đơn. Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị tạm ngừng phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát và vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng A và anh Lưu Đình V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đồng Hoà,

quận Kiến An, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[5] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi anh V, chị Hồng A cư trú thấy quá trình chung sống giữa chị Hồng A và anh V có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Từ khoảng tháng 8 năm 2022 đến nay anh chị sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa hai người là có thật. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị Hồng A đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách và quan điểm sống, chị không còn tình cảm gì với anh V, nếu tiếp tục chung sống chỉ gây đau khổ cho cả hai. Mặt khác anh chị không có con chung nên càng không còn gì để hàn gắn, níu kéo. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hồng A là cần thiết, bảo đảm quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho anh chị sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về con chung: Chị Phạm Thị Hồng A và anh Lưu Đình V không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng A không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Bị đơn anh Lưu Đình V mặc dù đã được Tòa án yêu cầu trình bày về việc giải quyết tài sản chung nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt nên không có ý kiến. Như vậy các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu không tự giải quyết được về tài sản chung, các bên có thể khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Về các vấn đề khác: Chị Phạm Thị Hồng A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Hồng A được ly hôn anh Lưu Đình V.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Hồng A và anh Lưu Đình V không có con chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Do các bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về các vấn đề khác: Chị Phạm Thị Hồng A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Hồng A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006524, ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Hồng A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

T hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- UBND phường Đ, quận K
(GCNKH số 07/2022 ngày 02-03-2022);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương

